

Số: **909** /BC-UBND

Đăk Glei, ngày **26** tháng **10** năm 2020

BÁO CÁO

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021

Thực hiện Thông báo số 16/TB-HĐND ngày 12/10/2020 của Hội đồng Nhân dân huyện thông báo nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 2016 – 2021;

Sau khi chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, UBND huyện Đăk Glei báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Công tác thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là *THTKCLP*) năm 2013, các văn bản chỉ đạo của Trung ương¹ và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh² về THTKCLP. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2020 về Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020. Trong đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 để triển khai thực hiện, thường xuyên phổ biến, quán triệt, kiểm tra, nhắc nhở đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về công tác THTKCLP, xác định việc thực hiện công tác THTKCLP là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và đưa kết quả thực hiện thành nội dung xem xét, đánh giá thi đua hàng năm. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ việc tuyên truyền, vận động THTKCLP với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong từng cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư. Qua đó, nhận thức về THTKCLP của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức và người dân đã từng bước được nâng lên.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

¹ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

² Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2019 về Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

- Triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020³, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Công văn số 1928/CV-UBND ngày 30/12/2019 để triển khai thực hiện các nội dung sau kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân huyện khóa XIV nhiệm kỳ 2016-2021. Trong đó, chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ trong điều hành ngân sách, tăng cường công tác thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật, tăng tỷ trọng thu nội địa, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành chính sách, pháp luật về thuế. Chấp hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa ban hành chính sách mới làm giảm thu; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, dự án làm tăng chi ngân sách địa phương khi chưa cân đối được nguồn; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhất là kinh phí họp, hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước, lễ hội, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền.

- Huy động các nguồn lực, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt và vượt kế hoạch, cơ cấu kinh tế hợp lý; đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; góp phần ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; duy trì tốt mối quan hệ đối ngoại.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của HĐND tỉnh về THPT, CLP trong từng lĩnh vực công tác, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2020;

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch⁴ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận sau thanh tra tại các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị được thanh tra nghiêm túc thực hiện kết luận, kiến nghị xử lý về hành chính sau thanh tra đúng theo quy định. Năm 2020, đã tiến hành 06 cuộc thanh tra. Trong đó: 01 cuộc⁵ chuyển tiếp từ năm 2019 sang; 03 cuộc⁶ phê duyệt từ đầu năm; bổ sung trong năm 01 cuộc⁷; đột xuất 01 cuộc⁸. Đến thời điểm báo cáo, đã kết thúc thanh tra tại 03 đơn vị⁹. Số cuộc đã ban hành kết luận thanh tra: 01 cuộc/01 đơn vị¹⁰; 02 cuộc/02 đơn vị đang xây dựng dự thảo Kết luận thanh tra¹¹;

³ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XIV, kỳ họp thứ 9, nhiệm kỳ 2016-2021 về Phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020; Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XIV, kỳ họp thứ 9, nhiệm kỳ 2016-2021 về dự toán thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2020.

⁴ Kế hoạch số 01/KH-TTr ngày 25/02/2020 của Thanh tra huyện.

⁵ Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

⁶ Trường Mầm non xã Đắk Nhoong; Trường Tiểu học xã Đắk Kroong; Trường THCS xã Đắk Long.

⁷ UBND xã Đắk Choong.

⁸ Trường PTDTBT - THCS xã Đắk Nhoong.

⁹ Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei; UBND xã Đắk Choong; Trường PTDTBT - THCS xã Đắk Nhoong.

¹⁰ Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

¹¹ UBND xã Đắk Choong; Trường PTDTBT - THCS xã Đắk Nhoong.

đang triển khai 01 cuộc/01 đơn vị¹². Tổng số tiền sai phạm được phát hiện qua công tác thanh tra và kiến nghị thu hồi nộp NSNN tại 01 đơn vị (*Trung tâm Y tế*) là 55.997.794 đồng. Kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và các cá nhân liên quan đến sai phạm, không có trường hợp đề nghị xử lý kỷ luật hoặc kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xử lý hình sự. UBND huyện tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch¹³ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận sau thanh tra tại các cơ quan, đơn vị và đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận sau thanh tra tại Trường Tiểu học xã Ngọc Linh; Trường Tiểu học – THCS xã Xốp; UBND xã Đăk Plô.

Bên cạnh đó, thông qua kiểm tra, thanh tra đã lồng ghép giám sát các nội dung như: Việc tổ chức quán triệt, triển khai chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về THPT, CLP; xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hoá chủ trương, chính sách về THPT, CLP; các biện pháp chủ yếu để THPT, CLP trên các lĩnh vực: Sử dụng kinh phí chi thường xuyên, quản lý sử dụng tài sản công, tiết kiệm điện, quản lý đầu tư XDCB, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ công khai báo cáo các lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trên các lĩnh vực

1.1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở dự toán được phân bổ từ đầu năm và các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và địa phương, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ công vụ cơ quan, quy định sử dụng báo chí, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, nhiên liệu, hội nghị, tiếp khách, máy vi tính, máy in, máy fax,...trên tinh thần tiết kiệm.

1.2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

- Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo tăng cường công tác thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về thuế, triển khai các biện pháp chống thất thu thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và công khai những thông tin tổ chức, cá nhân chây ỳ thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức thực hiện tốt các quy định về thuế, phí và lệ phí, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế. Nợ thuế đến thời điểm báo cáo như sau: Tổng số tiền thuế còn nợ là 3.408 triệu đồng⁽¹⁴⁾; trong đó: Nợ khó thu là 2.909 triệu đồng⁽¹⁵⁾, nợ có khả năng thu là 499 triệu đồng⁽¹⁶⁾. Tỷ lệ

¹² Trường PTDTBT-THCS Đăk Long.

¹³ KH số 01/KH-TTr ngày 25/02/2020 của Thanh tra huyện.

⁽¹⁴⁾ Tăng 224 triệu đồng (7%) so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

⁽¹⁵⁾ Chiếm 85,4% so với tổng số nợ, tăng 68 triệu đồng so với nợ khó thu tại thời điểm 31 tháng 12 năm

nợ có khả năng thu so với tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020 là 1,8% (theo quy định, hướng dẫn của Tổng Cục thuế⁽¹⁷⁾ tỉ lệ này không vượt quá 5%).

- Về tiết kiệm chi thường xuyên: đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trong đó, yêu cầu tiết kiệm chi thường xuyên tối thiểu 10% (tương ứng với số tiền là 4.255 triệu đồng trích tập trung tại NS huyện, 405 triệu đồng trích tập trung tại ngân sách xã) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 theo quy định của Trung ương.

- Công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN theo đúng chế độ, đảm bảo trong phạm vi dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt, cập nhật kịp thời các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chặt chẽ các khoản chi NSNN, kiên quyết từ chối các khoản chi không đúng chế độ, quy định, không đủ hồ sơ, thủ tục thanh toán, thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư thu hồi tạm ứng, đặc biệt là nguồn vốn đền bù giải phóng mặt bằng. Kết quả thực hiện kiểm soát chi NSNN năm 2020 đạt 753.387 triệu đồng, đạt 118,5% so với cùng kì năm trước. Trong đó, chi đầu tư ngân sách huyện đạt 99.827 triệu đồng, đạt 89,6% so với cùng kì năm trước; chi thường xuyên đạt 288.608 triệu đồng, đạt 111,2% so với cùng kì năm trước. Việc chi trả tiền lương qua tài khoản cho đối tượng hưởng lương từ ngân sách thực hiện theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, đã chi trả lương qua tài khoản mở tại các ngân hàng Thương mại cho 88/93 đơn vị, đạt tỉ lệ 94,6%; còn lại 05 đơn vị, chiếm 5,4% tổng số đơn vị chưa thực hiện chi trả tiền lương qua tài khoản. Nguyên nhân là do những đơn vị thuộc các xã vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện chi trả tiền lương qua tài khoản. Trên địa bàn huyện đã triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc hệ thống kho bạc trên diện rộng, năm 2020 đã có 99/103 đơn vị đăng ký và sử dụng thành công dịch vụ công, đạt 96,12%. Năm 2020, Kho bạc huyện đã ra quyết định xử phạt hành chính¹⁸ về lĩnh vực cam kết chi và đã thu nộp NSNN số tiền 6 triệu đồng.

- Các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ về biên chế và kinh phí đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trên nguyên tắc xác định nguồn thu, nhiệm vụ chi, chấp hành chế độ, định mức nhà nước quy định thực hiện chi tiêu và khoán chi theo quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng kinh phí hiệu quả tiết kiệm và đề ra các biện pháp tiết kiệm chi tiêu NSNN. Kết quả: giao quyền tự chủ đạt 100% (31/31 cơ quan quản lý nhà nước, mặt trận và các đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, 42/42 các đơn vị sự nghiệp, trường học).

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện đúng theo quy định của Luật xây dựng, Luật đầu tư công và các văn bản có liên quan, bảo đảm thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Tập trung xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản theo

⁽¹⁶⁾ Chiếm 14,6% so với tổng số nợ, tăng 156 triệu đồng (45%) so với nợ có khả năng thu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

⁽¹⁷⁾ Đảm bảo thấp hơn 5% theo hướng dẫn của Tổng Cục thuế tại Công văn số 353/TCT-QLN ngày 25 tháng 01 năm 2017.

⁽¹⁸⁾ Theo Nghị định số 63/2019 ngày 11/7/2019 của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia.

đúng quy định của Luật đầu tư công, không để phát sinh nợ mới. Trong quá trình thẩm định dự án đã kiểm tra và rà soát sự phù hợp về tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức xây dựng theo quy định của nhà nước; cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tạm dừng, cắt giảm các hạng mục công trình chưa thực sự cần thiết hoặc hiệu quả đầu tư thấp, đảm bảo tính khả thi nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương.

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt trong đấu thầu được thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Việc mua sắm trang thiết bị, xem xét ưu tiên sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1023/UBND - KTN ngày 28 tháng 5 năm 2010. Thực hiện nghiêm túc lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 5 tỷ tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/2/2019 quy định chi tiết việc cung cấp; đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả và các quy định khác có liên quan để triển khai thực hiện đúng quy định.

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành được đẩy mạnh, các chủ đầu tư đã nghiêm túc thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, nhất là quyết toán dứt điểm dự án hoàn thành còn tồn đọng. Đến thời điểm báo cáo, số dự án đã phê duyệt quyết toán là: 20 công trình với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 25.555 triệu đồng, trong đó:

+ Công trình quyết toán cấp huyện: 07 công trình với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 22.674 triệu đồng;

+ Công trình quyết toán cấp xã: 13 công trình với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 2.881 triệu đồng;

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Năm 2020 dự toán chi thường xuyên đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo là 177.348 triệu đồng đã được giao cho các đơn vị giáo dục ngay từ đầu năm để triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế: Ngành Y tế đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách từ khâu lập, phân bổ dự toán đến chấp hành và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện làm việc:

- Thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum. Các đơn vị dự toán trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện mua

sắm, trang bị, quản lý, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, không vượt định mức, chế độ quy định.

- Thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện sử dụng xe ô tô đúng tiêu chuẩn, định mức, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô theo đúng quy định; đồng thời, đề xuất xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng; căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định, xác định số lượng xe thừa, thiếu, xây dựng Phương án sắp xếp gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

1.4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Trong thời gian qua, trụ sở làm việc, nhà ở công vụ được quản lý sử dụng hiệu quả, đúng đối tượng và quản lý sử dụng theo quy định. Không lãng phí trong sử dụng nhà công vụ, trụ sở làm việc. Việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chỉ đạo tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum. Đề nâng cao hiệu quả sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo tăng cường quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất được giao đúng mục đích, thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, tránh tình trạng sử dụng nhà, đất lãng phí. Rà soát nhu cầu sử dụng trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện trên cơ sở đảm bảo định mức cho phép.

1.5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- Về Lĩnh vực đất đai: Năm 2020, chi nhánh VPĐK đất đai đã xử lý 135 trường hợp. Trong đó:

+ Giao đất 03 trường hợp: 454,9 m² đất ODT.

+ Cấp giấy CNQSD đất cho 98 trường hợp với tổng diện tích 86.141,4 m².

+ Chuyển mục đích sử dụng đất: 34 trường hợp với diện tích 5.468,4m².

- Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:

Trong thời gian qua, UBND huyện Đăk Glei đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo¹⁹ các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà

¹⁹ Kế hoạch số 01/KH-ĐKTLN ngày 23/01/2020 của Đoàn kiểm tra liên ngành về Kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về lĩnh vực khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2020; Văn bản 593/UBND-CV ngày 26/3/2020 của UBND huyện về dừng thí điểm khai thác cung ứng cát sỏi chương trình nông thôn mới; Văn bản 735/UBND-CV ngày 08/4/2020 của UBND huyện về tăng cường quản lý, bảo vệ khoáng sản

nước trong lĩnh vực khoáng sản; tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt những quy định của pháp luật hiện hành về khoáng sản, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25 tháng 7 năm 2017, Thông báo số 142/TB-VPCP ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ và các quy định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 về Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Công văn số 245/UBND-NNTN ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khai thác cát sỏi, nhằm nâng cao trách nhiệm, nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc ngăn chặn tình trạng khai thác cát sỏi trái phép;

Chỉ đạo Đoàn liên ngành huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan đã tổ chức 39 đợt kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép²⁰.

Trên địa bàn huyện có: 07 Công ty được cấp phép khai thác khoáng sản²¹. Các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động. Riêng Công ty CP Tấn Phát đã được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác và xác nhận hoàn thành hạng mục công trình bảo vệ môi trường, là cơ sở căn cứ để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

1.6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Chỉ đạo rà soát nhu cầu về biên chế và việc tuyển dụng lao động của các đơn vị, đảm bảo thực hiện nguyên tắc cạnh tranh theo từng vị trí việc làm cần tuyển dụng, đúng quy trình, quy định hiện hành, phù hợp với các chính sách ưu tiên trong tuyển dụng của Trung ương và của địa phương; Thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức trong năm 2020 được chú trọng; đồng thời, phổ biến đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình biết mục đích, ý nghĩa của việc chuyển đổi vị trí công tác.

- Triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2012, Phòng Nội vụ đã phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân

chưa khai thác; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện về triển khai công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2020; Văn bản 956/UBND-CV ngày 11/5/2020 của UBND huyện về việc tiếp tục tăng cường công tác phối hợp trong quản lý hoạt động khoáng sản trái phép trên địa phận giáp ranh giữa hai xã Đăk Kroong và Đăk Nhoong...

²⁰ Qua nắm bắt thông tin và báo cáo kết quả kiểm tra của UBND xã Đăk Môn, ngày 28/8/2020, Đoàn liên ngành của UBND xã tổ chức kiểm tra hoạt động khai thác vàng sa khoáng trái phép dọc suối Đăk Môn tại Tiểu khu 138, 139. Qua kiểm tra Đoàn liên ngành của UBND xã phát hiện có 10 đối tượng của thôn Đăk Túc, xã Đăk Kroong đang hoạt động đào đãi vàng sa khoáng trái phép bằng hình thức thủ công (dùng cuốc, xẻng, sè beng, máng đãi bằng tay) tại tọa độ 517606 – 1653242, Tiểu khu 139 thuộc lâm phần Lâm trường Đăk Ba quản lý. Qua làm việc Đoàn liên ngành đã lập biên bản kiểm tra và tạm giữ tang vật dùng để khai thác vàng sa khoáng thủ công đối với 10 đối tượng khai thác vàng sa khoáng trái phép.

²¹ Khai thác đá: Xí nghiệp Đức Tiến; Công ty Vũ Quỳnh; Khai thác cát: Công ty Thạch Anh Sa; Công ty Long Thịnh Lộc, Công ty Hưng Long; Khai thác vàng: Công ty CP Tấn Phát.

huyện tổ chức triển khai đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định hiện hành và đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được giao.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và hiệu quả công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, công sở; thực hiện nghiêm Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Kết luận 1663-KL/TU ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2020, đã ban hành các văn bản chỉ đạo, tuyên truyền và triển khai công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện, tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện, đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai công tác cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm:

- Thực hiện các chủ trương của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hiệu quả, tiết kiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; triển khai thực hiện công tác THPTKCLP đã đạt được những kết quả nhất định, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức đã có chuyển biến về ý thức, trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị được cấp phát, mua sắm, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; các quy định về công khai minh bạch chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực như sử dụng ngân sách, mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng... từng bước đi vào nề nếp.

- Công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, mua sắm tài sản công được quản lý, kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập dự toán, đến thực hiện dự toán và quyết toán NSNN. Thực hiện chi tiêu đúng tiêu chuẩn, định mức chế độ quy định, từng bước hạn chế việc bổ sung kinh phí ngoài dự toán.

- Công tác quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng được tăng cường, nhiều công trình trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ nhằm hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện các biện pháp THPTKCLP trong quản lý đầu tư xây dựng đã được thực hiện ngay từ khâu khảo sát, thiết kế thẩm định, phê duyệt đầu tư, đến tổ chức lựa chọn nhà thầu, thi công và quyết toán công trình.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện nghiêm túc, đã có nhiều chuyển biến tích cực. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của huyện, xã, thị trấn đã hoạt động có hiệu quả. Hồ sơ trả đúng hẹn và không để

nhân dân chờ đợi lâu. Cán bộ, công chức, viên chức bộ phận một cửa tận tình hướng dẫn cho nhân dân, không gây phiền hà, sách nhiễu được nhân dân đồng tình ủng hộ. Niêm yết công khai đầy đủ các văn bản mới nhất về cải cách hành chính, thu phí, lệ phí và các văn bản có liên quan để nhân dân dễ đọc, dễ thấy và được cán bộ, công chức hướng dẫn cụ thể.

- Công tác thanh tra, kiểm tra đã được tăng cường, qua đó đã phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm; đồng thời, kịp thời kiến nghị khắc phục những bất cập về cơ chế chính sách, pháp luật hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý đất đai, quy hoạch và mua sắm tài sản công trên địa bàn của huyện.

2.2. Hạn chế:

- Việc xây dựng chương trình THPTKCLP thời gian qua đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm hơn, tuy nhiên việc ban hành còn chậm so với thời gian yêu cầu, một số cơ quan, đơn vị chưa xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực. Chế độ thực hiện thông tin báo cáo: Một số cơ quan báo cáo chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu, nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình THPTK, CLP của huyện gặp nhiều khó khăn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về THPTKCLP cho cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ gắn với "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", đặc biệt là tư tưởng đạo đức của Người về THPTKCLP nhằm nâng cao ý thức chấp hành và thực hiện tốt công tác THPTKCLP trong cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về THPTKCLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản Nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Kiên quyết xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm, gây lãng phí...

- Các đơn vị tiếp tục chủ động sắp xếp, các nhiệm vụ chi cho phù hợp dự toán được giao. Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện rà soát, sắp xếp, cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên chưa thực sự cấp thiết, nhất là các khoản chi: điện thoại, văn phòng phẩm ...; không ban hành các đề án, chương trình, chính sách mới hoặc nâng định mức làm tăng chi ngân sách khi chưa xác định được nguồn đảm bảo.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan đơn vị trong việc sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm. Tổ chức công khai việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công; công khai các nguồn vốn huy động, các quỹ có nguồn huy động đóng góp của nhân dân; công khai việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên... theo quy định hiện hành;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, nhất là cải cách về thủ tục hành

chính trong giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về THTKCLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản của Nhà nước. Xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với tổ chức, cá nhân có vi phạm, gây lãng phí...

- Nghiêm túc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm qua công tác thanh tra, kiểm toán đã chỉ ra; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; phát huy vai trò giám sát của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị. Kịp thời biểu dương các gương người tốt, việc tốt, đấu tranh phê bình và tự phê bình. Tiếp tục thực hiện các biện pháp THTKCLP đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả; trong đó, tập trung rà soát, hoàn thiện các quy định hiện hành và các cơ chế, chính sách nhằm quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đất đai, kinh phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản Nhà nước; phân cấp cụ thể hơn trong công tác quản lý nhà nước về thu, chi ngân sách và đầu tư, xây dựng các tiêu chí, thứ tự ưu tiên làm căn cứ để phê duyệt hoặc cắt giảm các dự án đầu tư kém hiệu quả; hạn chế việc thanh toán bằng hình thức tiền mặt, tiến tới đồng bộ phương thức thanh toán qua ngân hàng đối với các hoạt động tài chính, để tăng cường chức năng kiểm soát của Nhà nước.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, nhất là cải cách về thủ tục hành chính trong giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện (c/đ);
- Thành viên UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các tổ chức đóng chân trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Y Thanh

PHỤ LỤC SỐ 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2020 đến 30/9/2020 và ước số liệu đến hết 31/12/2020



Quyết định Báo cáo số: 999 /BC-UBND ngày 26/10 /2020 của UBND huyện Đắk Glai)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo						So sánh với năm trước và kế hoạch	So sánh với kế hoạch	Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số liệu đến 31/12/2020	Số sánh với năm trước	Số sánh với kế hoạch				
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ				6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11			
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản											
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ	văn bản											
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định	cuộc											
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ											
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng											
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)												
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		4.446,00	4.660,00	4.660,00	4.660,00	4.660,00	0,00	104,81	100,00			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng											
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ (10% chi thường xuyên đầu năm)	triệu đồng	4.446,00	4.660,00	4.660,00	4.660,00	4.660,00	0,00	104,81	100,00			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng				0,00							
1.4	Các nội dung khác					0,00							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN												
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:												
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	168,00	168,00	168,00	182,00	51,00	131,00	100,00	100,0			
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	22,00	22,00	22,00	22,00	10,00	12,00	100,00	100,0			
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	19,00	19,00	19,00	19,00	2,00	17,00	100,00	100,0			

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo				So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số hiệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số hiệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	17,00	17,00	17,00	2,00	15,00	100,00	100,0		
-	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	18,00	18,00	18,00	2,00	16,00	100,00	100,0		
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	18,00	18,00	18,00	0,00	18,00	100,00	100,0		
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	28,00	28,00	28,00	5,00	23,00	100,00	100,0		
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	18,00	18,00	18,00	10,00	10,00	111,11	111,1		
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	16,00	16,00	16,00	10,00	10,00	125,00	125,0		
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	12,00	12,00	12,00	10,00	10,00	166,67	166,7		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				0,00						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng			0,00						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:				0,00						
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng			0,00						
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng			0,00						
-	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng			0,00						
-	Các nội dung khác				0,00						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	776,55	762,00	762,00	762,00	0,00	98,13	100,0		
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng									
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng									
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng									
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						0,00			

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo				So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số hiệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số hiệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ				0,00						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị			0,00						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	8	5	1,00	1	0	12,5	20,0		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	625,957	56,0	56,00	56,0	0,0	8,9	100,0		
4	Các nội dung khác				0,00						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực vực nhà nước										
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				0,00						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc			0,00						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc			0,00						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			0,00						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			0,00						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng			0,00						
2	Tài sản khác				0,00						
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản			0,00						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản			0,00						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng			0,00						
3	Các nội dung khác				0,00						

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo				So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số liệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng										
1	Trong đầu tư xây dựng				0,00						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án			0,00						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	920,00	920,00	720,00	480,00	240,00	775,00	775,00		
-	Thăm định, phê duyệt dự án, lòng dự toán	triệu đồng	50,00	50,00	55,00	45,00	10,00	110,00	110,0		
-	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	70,00	70,00	360,00	270,00	90,00	514,29	514,3		
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	700,00	700,00	180,00	80,00	100,00	25,71	25,7		
-	Thăm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	100,00	100,00	125,00	85,00	40,00	125,00	125,0		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng			0,00						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án			0,00						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ				0,00						
-	Số lượng	dự án			0,00						
-	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng			0,00						
2	Trụ sở làm việc		8.223,00	17.803,40	17.803,40	17.803,40	0,00	216,51	100,00		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	8.223,0	17.803,4	17.803,40	17.803,4	0,0	216,51	100,0		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển (*)	m2	0,00		0,00						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			0,00						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2			0,00						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2			0,00						

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo				So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số hiệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số hiệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng			0,00						
3	Nhà công vụ		84,00	84,00	84,00	84,00	0,00	100,00	100,00		
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	84,00	84,00	84,00	84,00	0,00	100,00	100,00		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			0,00						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			0,00						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2			0,00						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2			0,00						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng			0,00						
4	Các nội dung khác				0,00						
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên										
1	Quản lý, sử dụng đất				0,00						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2			0,00						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2			0,00						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			0,00						
1.4	Các nội dung khác				0,00						
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác				0,00						
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ			0,00						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			0,00						

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo						Ghi chú
					Tổng số	Số hiệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số hiệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước và kế hoạch		So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được				0,00						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án			0,00						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng			0,00						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt				0,00						
4	Các nội dung khác				0,00						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước										
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ			0,00						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			0,00						
3	Các nội dung khác				0,00						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp										
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh				0,00						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng			0,00						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng			0,00						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h			0,00						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)			0,00						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng			0,00						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng			0,00						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng			0,00						

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo				So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số liệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng			0,00						
2	Quản lý đầu tư xây dựng				0,00						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án			0,00						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án			0,00						
-	Chi phí đầu tư tiết kiệm được				0,00						
+	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng			0,00						
+	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng			0,00						
+	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			0,00						
+	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng			0,00						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn				0,00						
-	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án			0,00						
-	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng			0,00						
2.5	Các nội dung khác				0,00						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN				0,00						
-	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng			0,00						
-	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng			0,00						
-	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng			0,00						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện				0,00						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con				4	4	0	100,00	100,00		

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo						Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số liệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước và kế hoạch			
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11	
-	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	4	4	4	4	0	100,00	100,00		
-	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc			0,00						
-	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng			0,00						
-	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc			0,00						
-	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng			0,00						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			0,00						
-	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc			0,00						
-	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng			0,00						
5	Nợ phải thu khó đòi	triệu đồng			0,00						
-	Số đầu kỳ	triệu đồng			0,00						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng			0,00						
6	Vốn chủ sở hữu				0,00						
-	Số đầu năm	triệu đồng			0,00						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng			0,00						
VIII	THHK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân										
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THHK, CLP	Lượt hộ			0,00						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ			0,00						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THHK, CLP										
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THHK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	8	5	0,00					0	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2020 đến 30/9/2020	Ước số liệu đến 31/12/2020	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	8	5	0,00					0
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	8	5	0,00					0
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	8	5	0,00					0
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)	triệu đồng	625,957	55,998	56,00	56,0	0	8,95		100
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	532,023	0,000	0,00	0,0	0	0		0

PHỤ LỤC SỐ 02



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG
LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 909 /BC-UBND ngày 26 / 10 /2020 của UBND huyện Đắk Glei)

Số TT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	87
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
B	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã	50	50
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã	40	40
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40	40
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10	
II	Kết quả thực hiện giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
1	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
2	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	17
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	7
1.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8	5
2	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10
2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6